

PHỤ LỤC 2



NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

Công trình Trụ sở làm việc mới của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân,
Ủy ban nhân dân huyện Tiên Du

(Ban hành kèm theo Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 08/3/2022
của Chủ tịch UBND huyện Tiên Du)

1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Quốc hội; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;
- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/06/2019;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định 152/2017/NĐ-CP quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.
- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý;
- Quyết định số 13/2021/QĐ-UBND ngày 20/07/2021 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;
- Các Quyết định của UBND tỉnh Bắc Ninh số 781/QĐ-UBND ngày 21/6/2017 về việc phê duyệt Đồ án QHPK tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Lim mở rộng, huyện Tiên Du; số 538/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án QHPK tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị Lim mở rộng, huyện Tiên Du;
- Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 21/12/2022 của HĐND huyện Tiên Du về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc mới của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Du;
- Quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND huyện Tiên Du về việc thành lập Hội đồng thi tuyển phương án kiến trúc công trình Trụ sở làm việc mới của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Du;
- Văn bản số 124/UBND-QLDA ngày 11/02/2022 của UBND huyện Tiên Du về việc giao nhiệm vụ tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc.

2. Thông tin chung về nhiệm vụ thiết kế.

- **Tên công trình:** Trụ sở làm việc mới của Huyện uỷ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Du.
- **Cơ quan quyết định đầu tư:** UBND huyện Tiên Du.
- **Chủ đầu tư:** Ban quản lý các dự án xây dựng huyện Tiên Du.
- **Địa điểm xây dựng:** Thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;

3. Giới thiệu chung về huyện Tiên Du.

Tiên Du là huyện công nghiệp - nông nghiệp - dịch vụ, với diện tích đất tự nhiên rộng 95,6 km², dân số 185.014 người, gồm 13 đơn vị hành chính xã và 01 thị trấn. Trên địa bàn huyện có rất nhiều di sản lịch sử gắn liền với truyền thống lịch sử văn hiến, khoa cử với những sắc thái riêng đã tạo nên những nét văn hoá truyền thống của vùng Kinh Bắc địa linh nhân kiệt.

Nói đến Tiên Du, vùng đất địa linh nhân kiệt, có nền văn hiến hội tụ và kết tinh nhiều giá trị của nền văn minh Đại Việt với những bản sắc riêng độc đáo. Nền văn hiến ấy thể hiện ở nhiều loại hình văn hóa nghệ thuật đặc sắc mà ngày nay (cả văn hóa vật thể và phi vật thể) được kết tinh chủ yếu ở kho tàng di sản văn hóa vô cùng phong phú, đa dạng. Tiên Du, vùng đất cổ có truyền thống văn hóa lâu đời đã sản sinh ra những con người tài khéo, dịu dàng, đẹp nét và lời ca Quan họ mượt mà đắm thắm. Sinh hoạt văn hóa Quan họ nơi đây là nét độc đáo, hấp dẫn, tiêu biểu cho truyền thống lịch sử, bản sắc văn hóa vùng Bắc Ninh - Kinh Bắc.

Nếu chỉ nói riêng về Quan họ, thì cũng phải am hiểu sâu sắc tổng thể các mặt hoạt động Quan họ mới thấm cảm đầy đủ vẻ đẹp tinh túy, chất vàng ròng sang trọng, lịch lãm của một lối chơi văn hóa hết sức công phu (giao duyên trong lối ca quan họ),... Cốt cách, phẩm hạnh của người Quan họ là một phần quan trọng làm nên bản sắc văn hóa con người Tiên Du - Bắc Ninh,... (mà tiêu biểu là các làng quan họ cổ và Hội Lim - duy nhất cả nước là hội ca quan họ; dòng Tiều Tương với truyền thuyết Trương Chi - Mị Nương; Núi Phật Tích với hội Khán hoa mẫu đơn gắn liền với sự tích Từ Thức gặp tiên,...)

Tiên Du đang vươn lên nhưng vẫn giữ được truyền thống và bản sắc của làng quê Quan họ nổi tiếng với những liền anh, liền chị yếm thắm, xúng xính áo mớ ba, mớ bảy trong những dịp lễ hội và lời ca Quan họ vang, rền, nền, nảy cứ níu kéo bao du khách gần xa để di sản văn hóa phi vật thể Quan họ quê hương mãi được trường tồn và lan tỏa trong cuộc sống hôm nay.

Đến với Tiên Du là đến với miền đất của những con người yêu nước, thương võ; cần cù, năng động, sáng tạo trong lao động sản xuất, tinh xảo hoạt bát trong giao thương buôn bán; thông minh hiếu học và giàu truyền thống khoa bảng; yêu say các hoạt động và sáng tạo nhiều giá trị văn hóa nghệ thuật tiêu biểu và đặc sắc,...

Con người Tiên Du anh dũng trong chiến đấu, cần cù chịu khó trong lao động. Đây chính là sức mạnh tiềm ẩn giúp cho người dân Tiên Du đạt được nhiều thành tích trong lịch sử cũng như trong phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

4. Sự cần thiết lập nhiệm vụ thiết kế.

Theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 15/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050, mục tiêu xây dựng và phát triển đô thị Bắc Ninh đạt tiêu chuẩn đô thị loại I trực thuộc Trung ương, làm tiền đề để xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022. Các huyện Tiên Du, Thuận Thành, Yên Phong, Quế Võ theo Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ sẽ thành thị xã.

Mục tiêu xây dựng và phát triển đô thị Bắc Ninh trở thành đô thị loại I vào những năm 20 của thế kỷ XXI, làm tiền đề để xây dựng tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030. Đây sẽ là trung tâm chính trị, kinh tế, văn

hóa, kỹ thuật, giáo dục của tỉnh Bắc Ninh; là một trọng tâm kinh tế thuộc vùng trọng điểm phía Đông và Đông Nam vùng Thủ đô Hà Nội với các cảng biển Bắc Bộ, có tiềm năng phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch và kinh tế tri thức; là đầu mối giao thông, giao lưu quan trọng của vùng Thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước; gắn kết hai hành lang kinh tế: Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; là nơi có vị trí quan trọng về an ninh- quốc phòng.

Tầm nhìn đến năm 2050, đô thị Bắc Ninh sẽ trở thành một trong những trung tâm kinh tế quan trọng của vùng kinh tế Bắc Bộ và vùng Thủ đô Hà Nội với trọng tâm là dịch vụ thương mại, đào tạo - nghiên cứu khoa học, du lịch văn hóa, y tế - nghỉ dưỡng và logistic với chất lượng cao, đồng thời trở thành đô thị lớn phát triển bền vững với đặc trưng: văn hóa - sinh thái - tri thức; có cơ sở kinh tế vững chắc, sức cạnh tranh cao..

Đặc biệt, khu đô thị Tiên Du sẽ là đô thị văn hóa, lịch sử, giáo dục đào tạo; trung tâm cấp vùng về giáo dục đào tạo, du lịch; trung tâm cấp đô thị về thương mại, dịch vụ. Đến năm 2030 dân số đạt khoảng 100.000 người, diện tích đất xây dựng vào khoảng 1.600ha. Về khu vực phát triển đô thị mới phía Bắc phát triển đô thị mới với trung tâm là ga đường sắt đô thị; khu phát triển đô thị đại học kết hợp với khu dân cư, các công trình dịch vụ phục vụ trường đại học và dân cư, kết hợp với ga đường sắt đô thị. Tiên Du thuộc khu vực đô thị lõi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và đang trong quá trình lập các đồ án quy hoạch phân khu để thực hiện đầu tư xây dựng các hệ thống hạ tầng khung. Việc triển khai nhiều khu chức năng lớn và các đồ án xây dựng Nông thôn mới đặt ra yêu cầu cần lập đồ án quy hoạch chung đô thị Lim và phụ cận (đô thị Tiên Du) đến năm 2035 nhằm đáp ứng tốc độ phát triển tại địa phương. Từ đó, làm cơ sở kết nối hạ tầng khung của huyện với các khu vực lân cận, bảo đảm sự phát triển lâu dài và đúng định hướng của tỉnh.

Đồ án quy hoạch chung đô thị Tiên Du đến năm 2035 nhằm xây dựng đô thị Tiên Du phát triển toàn diện, có vai trò chia sẻ, giảm áp lực cho đô thị Bắc Ninh và vùng Thủ đô. Tuy nhiên, cùng với việc phát huy nội lực, huyện kiến nghị tỉnh sớm có kế hoạch đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật, xã hội thiết yếu, tạo điều kiện hình thành các khu chức năng cấp thị xã. Đồng thời, có cơ chế hỗ trợ cho địa phương khớp nối các quy hoạch, phát huy tiềm năng và thu hút dự án đầu tư phát triển theo định hướng quy hoạch.

Trong những năm gần đây huyện Tiên Du có kinh tế - xã hội phát triển nhanh: dân số tăng nhanh, mật độ dân số cao, thu nhập bình quân đầu người và thu ngân sách tăng cao, đời sống của nhân dân ngày càng được nâng lên. Là một trong những trung tâm công nghiệp - thương mại - dịch vụ của tỉnh Bắc Ninh. Sự thay đổi này góp phần đáng kể vào tiến trình hiện đại hóa và công nghiệp hóa trong khu vực và tỉnh Bắc Ninh.

Hiện nay, Trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND và các ban ngành đoàn thể của huyện được xây dựng từ những năm 1990, cơ sở vật chất phục vụ cho công việc không đảm bảo. Các cơ quan, ban ngành của huyện được bố trí rải rác, rời rạc, riêng biệt. Do vậy, việc xây dựng Trụ sở làm việc mới của Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Tiên Du theo hướng hiện đại để đảm bảo hoạt động của hệ thống chính trị huyện được thông suốt là việc làm hết sức cần thiết hiện nay.

Phương án thiết kế kiến trúc phải đáp ứng được các yêu cầu sử dụng hợp lý, kiến trúc hiện đại, giàu bản sắc văn hoá địa phương; thân thiện với môi trường và mang tính bền vững. Bên cạnh đó phải phù hợp công năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi, hiện đại cho cán bộ công chức, viên chức nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

Các công trình xây dựng giải quyết nhu cầu về diện tích làm việc, sinh hoạt, kho lưu trữ và các phòng chức năng. Tổ chức các sự kiện, hội họp quy mô cấp huyện, cấp tỉnh đồng thời đáp ứng nhu cầu đón tiếp khách trong nước và quốc tế đến làm việc với huyện và tham quan du lịch của địa phương.

Lập nhiệm vụ thiết kế với những nội dung yêu cầu cơ bản nêu trên là đề bài cho các đơn vị tư vấn tham gia thi tuyển phương án kiến trúc, trên cơ sở đó lựa chọn được phương án tối ưu đề lập dự án đầu tư xây dựng là yêu cầu bắt buộc và rất cần thiết.

5. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế áp dụng:

- Quy chuẩn QCVN 02:2009/BXD về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.
- Quy chuẩn QCVN 03:2012/BXD về nguyên tắc phân loại phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị,
- Quy chuẩn QCVN 05:2008/BXD về Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;
- Quy chuẩn QCVN 06:2020/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình,
- Quy chuẩn QCVN 07:2016/BXD về các công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Quy chuẩn QCVN 09:2017/BXD về các công trình sử dụng năng lượng hiệu quả.
- Quy chuẩn QCVN 10:2014/BXD về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.
- Quy chuẩn QCVN 13:2018/BXD về gara ô tô.
- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4319:2012 về Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế.
- Tiêu chuẩn TCVN 4601:2012 về Công sở cơ quan hành chính nhà nước- yêu cầu thiết kế.

Và các Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành có liên quan.

6. Thông tin về khu đất thực hiện dự án.

6.1 Vị trí, giới hạn khu đất:

Vị trí khu đất nghiên cứu thuộc thôn Duệ Đông, thị trấn Lim, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh với diện tích khoảng 6,31ha; Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc giáp đường HL4, có mặt cắt ngang rộng 27m.
- Phía Tây giáp đường quy hoạch, có mặt cắt ngang rộng 20,5m.
- Phía Đông giáp đường quy hoạch, có mặt cắt ngang rộng 20,5m.
- Phía Nam giáp đường TL276 đi kênh tiêu Nội Duệ, có mặt cắt ngang rộng 40m.

(Có bản vẽ sơ họa vị trí kèm theo)

6.2. Hiện trạng sử dụng đất:

Hiện trạng sử dụng đất chủ yếu là đất nông nghiệp.

7. Quy mô tổ chức bộ máy.

7.1. Khối Huyện ủy:

| TT | Chức danh | Số lượng biên chế (người) | Tiêu chuẩn diện tích (m ² /người) | Tổng diện tích theo tiêu chuẩn (m ²) |
|-------------|--------------------------------------|---------------------------|--|--|
| I | Thường trực Huyện ủy | | | |
| 1 | Bí thư | 1 | 25 | 25 |
| 2 | Phó Bí thư | 1 | 15 | 15 |
| II | Văn phòng Huyện ủy | | | |
| 1 | Chánh văn phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Chánh văn phòng | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 7 | 10 | 70 |
| III | Ban Tổ chức | | | |
| 1 | Trưởng Ban | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng Ban | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 3 | 10 | 30 |
| IV | Ủy ban Kiểm tra | | | |
| 1 | Chủ nhiệm | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Chủ nhiệm | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 3 | 10 | 30 |
| V | Ban Tuyên giáo | | | |
| 1 | Trưởng Ban | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng Ban | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 2 | 10 | 20 |
| VI | Ban Dân vận | | | |
| 1 | Trưởng Ban | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng Ban | 4 | 12 | 48 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 2 | 10 | 20 |
| VII | Trung tâm bồi dưỡng chính trị | | | |
| 1 | Giám đốc | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Giám đốc | 1 | 12 | 12 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 2 | 10 | 20 |
| VIII | Ủy ban Mặt trận tổ quốc | | | |
| 1 | Chủ tịch | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Chủ tịch | 1 | 12 | 12 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 2 | 10 | 20 |
| IX | Huyện đoàn | | | |
| 1 | Bí thư | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Bí thư | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 2 | 10 | 20 |
| X | Hội Liên hiệp phụ nữ | | | |
| 1 | Chủ tịch | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Chủ tịch | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 1 | 10 | 10 |

| TT | Chức danh | Số lượng biên chế (người) | Tiêu chuẩn diện tích (m ² /người) | Tổng diện tích theo tiêu chuẩn (m ²) |
|-------------|---|---------------------------|--|--|
| XI | Hội Nông dân | | | |
| 1 | Chủ tịch | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Chủ tịch | 1 | 12 | 12 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 1 | 10 | 10 |
| XII | Hội Cựu chiến binh | | | |
| 1 | Chủ tịch | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Chủ tịch | 1 | 12 | 12 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 1 | 10 | 10 |
| XIII | Liên đoàn lao động | | | |
| 1 | Chủ tịch | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Chủ tịch | 1 | 12 | 12 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 1 | 10 | 10 |
| XIV | Các tổ chức xã hội nghề nghiệp | | | |
| 1 | Cấp trưởng/Phó và chức danh tương đương | 60 | 10 | 600 |
| XV | Luân chuyển, điều động | | | |
| 1 | Cấp trưởng/Phó và chức danh tương đương | 1 | 12 | 12 |
| | Tổng cộng | 123 | | 1.318 |

7.2. Khối HĐND-UBND huyện:

| TT | Chức danh | Số lượng biên chế (người) | Tiêu chuẩn diện tích (m ² /người) | Tổng diện tích theo tiêu chuẩn (m ²) |
|-------------|--------------------------------------|---------------------------|--|--|
| I | HĐND huyện | | | |
| 1 | Phó Chủ tịch thường trực | 1 | 15 | 15 |
| 2 | Ủy viên thường trực | 1 | 12 | 12 |
| II | UBND huyện | | | |
| 1 | Chủ tịch | 1 | 25 | 25 |
| 2 | Phó Chủ tịch | 3 | 15 | 45 |
| III | Văn phòng HĐND và UBND | | | |
| 1 | Chánh văn phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Chánh văn phòng | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 6 | 10 | 60 |
| IV | Các Ban thuộc HĐND | | | |
| IV.1 | Ban kinh tế xã hội | | | |
| 1 | Trưởng ban | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng ban | 1 | 12 | 12 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 2 | 10 | 20 |
| IV.2 | Ban pháp chế HĐND | | | |
| 1 | Trưởng ban | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng ban | 1 | 12 | 12 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 2 | 10 | 20 |

| TT | Chức danh | Số lượng biên chế (người) | Tiêu chuẩn diện tích (m ² /người) | Tổng diện tích theo tiêu chuẩn (m ²) |
|-------------|---------------------------------------|---------------------------|--|--|
| V | Các phòng thuộc UBND huyện | | | |
| V.1 | Phòng Tài chính - Kế hoạch | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 3 | 12 | 36 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 4 | 10 | 40 |
| V.2 | Phòng Nội vụ | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 3 | 10 | 30 |
| V.3 | Phòng Lao động TB & XH | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 3 | 12 | 36 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 3 | 10 | 30 |
| V.4 | Phòng Tư pháp | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 3 | Chuyên viên | 2 | 10 | 20 |
| V.5 | Phòng Y tế | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 2 | 10 | 20 |
| V.6 | Phòng Văn hóa và Thông tin | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 3 | 10 | 30 |
| V.7 | Thanh tra | | | |
| 1 | Chánh Thanh tra | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Chánh Thanh tra | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 3 | 10 | 30 |
| V.8 | Phòng Giáo dục và Đào tạo | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 3 | 12 | 36 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 7 | 10 | 70 |
| V.9 | Phòng nông nghiệp & PTNT | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 3 | 10 | 30 |
| V.10 | Phòng Tài nguyên và Môi trường | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 2 | 12 | 24 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 4 | 10 | 40 |

| TT | Chức danh | Số lượng biên chế (người) | Tiêu chuẩn diện tích (m ² /người) | Tổng diện tích theo tiêu chuẩn (m ²) |
|-------------|--|---------------------------|--|--|
| V.11 | <i>Phòng Kinh tế và Hạ tầng</i> | | | |
| 1 | Trưởng phòng | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Trưởng phòng | 3 | 12 | 36 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 3 | 10 | 30 |
| V.12 | <i>Trung tâm hành chính công</i> | | | |
| 1 | Giám đốc | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Giám đốc | 1 | 10 | 10 |
| 3 | Chuyên viên và chức danh tương đương | 25 | 7 | 175 |
| VI | Các đơn vị thuộc UBND huyện | | | |
| VI.1 | <i>Trung tâm văn hoá thể thao và phát thanh</i> | | | |
| 1 | Giám đốc | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Giám đốc | 3 | 12 | 36 |
| 3 | Cán bộ, nhân viên | 46 | 7 | 322 |
| VI.2 | <i>Trung tâm dịch vụ nông nghiệp</i> | | | |
| 1 | Giám đốc | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Giám đốc | 3 | 12 | 36 |
| 3 | Cán bộ, nhân viên | 21 | 7 | 147 |
| VI.3 | <i>Ban quản lý các dự án xây dựng huyện</i> | | | |
| 1 | Giám đốc | 1 | 12 | 12 |
| 2 | Phó Giám đốc | 3 | 12 | 36 |
| 3 | Cán bộ, nhân viên | 96 | 7 | 672 |
| | Tổng cộng | 297 | | 2.553 |

7. Yêu cầu thiết kế:

7.1. Nhiệm vụ quy hoạch và tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

Phương án quy hoạch tổng mặt bằng và các chỉ tiêu kỹ thuật về chiều cao, mật độ, chỉ giới xây dựng công trình phù hợp với các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được duyệt như sau:

+ Mật độ xây dựng tối đa: 30%.

+ Chiều cao tối đa: 9 tầng.

Khoảng lùi tối thiểu của các công trình so với chỉ giới đường đỏ của các tuyến đường xung quanh tối thiểu là: 15m

Yêu cầu phương án quy hoạch tổng mặt bằng phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch liên quan. Cần có giải pháp kết nối không gian kiến trúc cảnh quan với khu công viên trung tâm ở phía Nam khu đất.

Bố trí sân trung tâm chung của khu Trung tâm đảm bảo việc sử dụng trong các sự kiện tập trung đông người khi cần thiết.

Cần có giải pháp quy hoạch đất cho việc dự phòng phát triển trong tương lai.

Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật, sân vườn đường dạo, sân thể thao cần đồng bộ kết nối hợp lý với hạ tầng chung khu vực; đảm bảo hình thức tổng thể cảnh quan chung. Hệ thống công ra vào tiếp cận thuận tiện, công chính công trình dự kiến bố trí hướng Nam của khu đất

Bố trí chỗ để xe máy cho cán bộ và người dân đến làm việc. Tính toán chỗ đỗ xe bên trong nhà và ngoài trời theo quy mô, số người làm việc thường xuyên và khách đến công tác theo các quy định hiện hành.

7.2. Yêu cầu về kiến trúc:

- Thiết kế có phong cách kiến trúc hiện đại, độc đáo, đơn giản, mạch lạc và trang trọng phù hợp với tính chất của công trình. Công trình có thể hợp khối hoặc phân tán nhưng phải hợp lý cho việc liên kết giữa các khối chức năng trong quá trình sử dụng.

- Hình thức kiến trúc mang tính chất tiêu biểu, dễ nhận diện bản sắc địa phương.

- Đảm bảo theo các quy chuẩn tiêu chuẩn về nguyên tắc thiết kế công trình công cộng và trụ sở làm việc.

- Không gian thiết kế dựa trên nguyên tắc các không gian làm việc có tính chất mở, linh động theo nhu cầu sử dụng.

- Tận dụng thông gió, chiếu sáng tự nhiên, ưu tiên sử dụng vật liệu truyền thống địa phương, tiết kiệm năng lượng, thân thiện với môi trường...

- Có giải pháp quản lý và vận hành thuận tiện.

7.3. Yêu cầu về công năng sử dụng:

- Quy hoạch tổng mặt bằng tuân thủ theo Đồ án QHPK tỷ lệ 1/2.000 Khu đô thị Lim mở rộng, huyện Tiên Du được phê duyệt. Đây là chỉ tiêu cơ bản để tham khảo, các đơn vị tham gia thi tuyển có thể nghiên cứu đề xuất phương án thiết kế tổng mặt bằng và hình khối kiến trúc công trình khu Trung tâm hành chính mới tối ưu, đảm bảo thẩm mỹ, hài hòa, ăn nhập với cảnh quan chung của khu vực.

- Khối làm việc: Bố trí đầy đủ diện tích làm việc và các bộ phận chức năng đảm bảo theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, đảm bảo hoạt động cho cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, tổ chức của Huyện ủy - HĐND - UBND và các ban ngành đoàn thể tạo môi trường làm việc chính quy, hiện đại, nâng cao hiệu quả công tác.

- Trung tâm hành chính công và lưu trữ: Đáp ứng yêu cầu của Trung tâm hành chính công hiện đại cấp huyện;

- Trung tâm văn hoá: Có phòng họp lớn quy mô 500 chỗ ngồi, các phòng họp nhỏ, phòng hội thảo, thư viện và các phòng chức năng phục vụ hoạt động văn hoá, sự kiện, nghệ thuật,...

- Hệ thống kỹ thuật, công nghệ: Phải đồng bộ đáp ứng công năng của công trình. Ứng dụng tối đa hệ thống công nghệ thông minh.

7.4. Yêu cầu về kỹ thuật:

+ Tất cả các giải pháp thiết kế kỹ thuật công trình cần đảm bảo theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

+ Phương án thiết kế cần có các giải pháp kết cấu hiện đại, đảm bảo an toàn bền vững theo tuổi thọ cấp công trình.

+ Phương án cấp điện cần tính toán đảm bảo nhu cầu sử dụng và dự phòng phát triển.

+ Giải pháp cấp nước cần tính toán đủ cho nhu cầu sử dụng, PCCC, nước tưới cây, rửa đường...

+ Giải pháp hệ thống công nghệ thông tin cần hiện đại, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, tính toán kết nối đảm bảo các hoạt động hội nghị, họp trực tuyến trong nước và quốc tế.

- + Giải pháp PCCC đảm bảo quy chuẩn về an toàn cháy, phương án thoát người, cứu hộ trong trường hợp khẩn cấp;
- + Khuyến khích các giải pháp kỹ thuật theo xu hướng kiến trúc xanh, tiết kiệm năng lượng;
- + Các giải pháp đảm bảo tiết kiệm kinh phí đầu tư, phù hợp với quy mô và cấp công trình.

7.5. Yêu cầu về thời hạn sử dụng công trình: Theo quy định hiện hành.